TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M L** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 /2020/QĐST-DS	*M L, ngày 5 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, khoản 1 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 2 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-DS ngày 3 tháng 2 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** ông Kiều Văn Nh, sinh năm 1965

Trú tại: thôn N, xã T, huyện M L, TP.Hà Nội.

***Bị đơn**: Anh Kiều Đức H, sinh năm 1975

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Đều trú tại: thôn N, xã T, huyện M L, TP.Hà Nội.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lưu Thị H, sinh năm 1969 (vợ ông Nh)

Trú tại: thôn N, xã T, huyện M L, TP.Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 - Hủy 01giấy biên nhận nhượng lại đất ở ghi ngày 15/11/2010 giấy viết tay có xác nhận của UBND xã T; 01giấy biên nhận nhượng lại đất ở có xác nhận của UBND xã T không ghi thời gian (cả 02 giấy đều có chữ ký của anh Kiều Đức H, chị Nguyễn Thị T và người làm chứng ông Đỗ Ngọc B).

- Hủy 01 giấy xác nhận ngày 09/3/2015 (nội dung chuộc lại đất giữa anh Kiều Đức H và ông Kiều Văn Nh)

2.2. Anh Kiều Đức H và chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho ông Kiều Văn Nh và bà Lưu Thị H số tiền 234.000.000đ (hai trăm ba mươi tư triệu đồng) tiền nợ gốc, không tính lãi suất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Được giảm ½ = 5.850.000đ (Năm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Kiều Đức H và chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí, số tiền 5.850.000đ (Năm triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả ông Kiều Văn Nh số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã thu tại phiếu thu số 0009402 ngày 21/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSH.M L
- TANDTP Hà Nội
- THA huyện M L
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Diệu Kim